TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 97/2020/HNGĐ - ST
Ngày: 30 - 6 - 2020
" Tranh chấp không công nhận quan hệ vợ chồng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Bùi Văn Biền.
Các hội thẩm nhân dân:
1. Ông Đàm Văn Kiều.
2. Ông Đào Văn Rạng.

- Thư ký phiên toà: Ông Vũ Quang Hải - Thư ký Toà án nhân dân huyện N tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên toà: Ông Trần Thế Hùng – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện N mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 198/2019/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp không công nhận quan hệ vợ chồng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2020 giữa:

* *Nguyên đơn*: Chị Đỗ Thị L, sinh năm 1977; địa chỉ: Xóm 16, xã Nghĩa Thái, huyện N, tỉnh Nam Định.

* *Bị đơn*: Anh Phan Văn H, sinh năm 1974; địa chỉ: Xóm 16, xã Nghĩa Thái, huyện N, tỉnh Nam Định.

Tại phiên toà vắng chị Lý, anh Hoài.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện lập ngày 09 tháng 12 năm 2019 cũng như lời khai của chị Đỗ Thị L tại các buổi làm việc thể hiện: Chị và anh Hoài có quan hệ tình cảm

với nhau, chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 16/02/1994. Trong quá trình chung sống do nguyên nhân phía nhà chồng nên chị và anh H không đăng ký kết hôn mà chung sống đến nay. Trong quá trình chung sống, chị và anh H có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do không hợp nhau, thường xuyên bất hoà, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau. Mâu thuẫn giữa chị và anh H càng ngày càng trầm trọng, không thể hoà giải. Khoảng 05 năm trở lại đây, chị và anh H không chung sống cùng nhau nữa. Nay chị đề nghị Toà án không công nhận vợ chồng giữa chị và anh H.

Về con chung: Chị L xác định chị và anh H có ba con chung là Phan Thị Thuỷ, sinh ngày 28/01/1994; Phan Văn Chung, sinh ngày 12/6/1999 và Phan Huỳnh Đức, sinh ngày 06/1/2012. Hiện cháu Thuỷ và cháu Chung đã lớn, tự lập. Chị Lý xin trực tiếp nuôi cháu Đức và không yêu cầu anh Hoài cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung: Chị L và anh H tự thoả thuận giải quyết, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại phiên toà hôm nay anh Phan Văn H vắng mặt, có lời khai trong hồ sơ vụ án thể hiện: Anh có lời khai thống nhất với chị L về quan hệ tình cảm, thời gian chung sống cùng nhau. Anh và chị L sống chung với nhau từ ngày 16/02/1994 như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn. Khoảng 02 năm nay, anh và chị L không sống cùng nhau. Nay anh nhất trí với ý kiến của chị L đề nghị Toà án không công nhận anh và chị L là vợ chồng.

Về con chung và tài sản chung: Anh H có ý kiến thống nhất với chị L về con chung và tài sản chung.

Đại diện Viện kiểm sát có quan điểm: Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của pháp luật; Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án; đương sự cơ bản đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Đề nghị áp dụng các Điều 14,15 Luật Hôn nhân và gia đình xử không công nhận là vợ chồng giữa chị Đỗ Thị L và anh Phan Văn H; xử giao con chung là Phan Huỳnh Đức, sinh ngày 06/1/2012 cho chị Lý trực tiếp nuôi dưỡng; áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự, nghị quyết 326/2016/UBTVQH/14, đề nghị Toà án tuyên án phí: Buộc chị Lý phải nộp 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được qui định tại các Điều 28, 35 và 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Đương sự không có ý kiến, khiếu nại gì về hành vi, quyết định của những người tiến hành tố tụng. Nguyên đơn, bị đơn đều có đề nghị xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

[3] Về nội dung: Chị Lý và anh Hoài có quan hệ tình cảm, chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 16/02/1994 nhưng không đi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Anh chị đã có thời gian dài chung sống (từ năm 1994 cho đến nay) nhưng vẫn không thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định nên hôn nhân giữa chị Lý và anh Hoài là không hợp pháp. Quá trình chung sống, anh chị có nhiều mâu thuẫn không thể hoà giải được. Khoảng 02 năm nay, anh chị không chung sống với nhau. Nay tình cảm đã hết, không thể hàn gắn được nữa nên chị Lý có đề nghị Toà án không công nhận chị và anh Hoài là vợ chồng, anh Hoài cũng đồng ý. Xét yêu cầu của nguyên đơn và ý kiến của bị đơn phù hợp với quy định tại Điều 14 và Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[5] Về con chung: Chị Lý và anh Hoài có ba con chung là Phan Thị Thuỷ, sinh ngày 28/01/1994; Phan Văn Chung, sinh ngày 12/6/1999 và Phan Huỳnh Đức, sinh ngày 06/1/2012. Chị Lý và anh Hoài đều có ý kiến thống nhất về việc giải quyết con chung và cháu Đức cũng có ý kiến xin được ở với chị Lý do vậy việc giao cho chị Lý trực tiếp nuôi cháu Đức là phù hợp; Hoài không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Lý.

[6] Về tài sản chung: Chị Lý không yêu cầu Toà án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lý phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39 và Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 14,15, 53, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 6; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ quốc hội.

1. Về hôn nhân: Không công nhận chị Đỗ Thị L và anh Phan Văn H là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao chị Đỗ Thị L trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phan Huỳnh Đức, sinh ngày 06/1/2012; anh Hoài không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Lý.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Đỗ Thị L phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Lý đã nộp theo biên lai số AA/2017/0000831 ngày 09/12/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N, Chị Lý đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Chị L, anh Hoài có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành dân sự.

Nơi nhận:
- Toà án Tỉnh Nam Định: 01 bản;
- VKSND huyện N: 02 bản
- THADS huyện N: 01 bản
- UBND xã Nghĩa Trung: 01 bản
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; án văn.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(đã ký)

Bùi Văn Biền